

Lai Châu, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Số: 01/TL-BTC

THẺ LỆ

Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi tỉnh Lai Châu năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-LĐLĐ, ngày 03/3/2026 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh về tổ chức Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi tỉnh Lai Châu năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LĐLĐ, ngày 17/3/2025 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh về việc Thành lập Ban Tổ chức Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi tỉnh Lai Châu năm 2026.

Ban Tổ chức Hội thi ban hành Thẻ lệ Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi tỉnh Lai Châu năm 2026 như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng

Là các An toàn vệ sinh viên, đoàn viên công đoàn đang sinh hoạt tại các CĐCS trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh.

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh mời các CĐCS trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tham dự Hội thi.

2. Số lượng thí sinh tham gia

Mỗi CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh, CĐCS trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được thành lập một đội dự thi gồm 03 - 05 thí sinh chính thức. *(Ngoài các thí sinh dự thi chính thức của đội, có thể được bổ sung thêm cán bộ, đoàn viên của đơn vị mình tham gia phần thi chào hỏi).*

3. Hồ sơ đăng ký tham gia

- Công văn đăng ký tham gia Hội thi của công đoàn cơ sở.
- Danh sách trích ngang theo mẫu gửi kèm.

4. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Trung tuần tháng 5/2026.
- Địa điểm: Trung tâm Hội nghị văn hoá tỉnh Lai Châu.

II. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC THI

1. Cách tính điểm

1.1. Tổng điểm của 03 phần thi là 100 điểm, cụ thể như sau:

- Phần thi chào hỏi: 20 điểm.
- Phần thi kiến thức pháp luật ATVSLĐ: 40 điểm.
- Thi thực hành xử lý tình huống: 40 điểm.

1.2. Điểm trừ

- Đội nào vi phạm thể lệ về đối tượng dự thi trừ 02 điểm (hai điểm).
- Phần thi chào hỏi và phần thi thực hành xử lý tình huống đội nào vượt quá thời gian quy định cứ mỗi phút bị trừ 0,5 điểm (không phẩy năm điểm).

2. Nội dung

2.1. Phần thi chào hỏi: (20 điểm)

Các đội giới thiệu về đơn vị mình với những đặc điểm nổi bật, gắn với công tác ATVSLĐ, có tính tuyên truyền, giáo dục cao. Thể hiện màn chào hỏi bằng hình thức giới thiệu đơn giản, thông qua các loại hình nghệ thuật như: Thơ, Ca, Hò vè, Tiểu phẩm, kịch ngắn...

2.2. Phần thi trắc nghiệm về kiến thức ATVSLĐ: (40 điểm)

Thi trả lời câu hỏi trắc nghiệm về kiến thức ATVSLĐ; trách nhiệm của doanh nghiệp, đơn vị với công tác ATVSLĐ; nội dung công tác ATVSLĐ ở cơ sở; kiến thức về tổ chức quản lý và phương pháp hoạt động của mạng lưới ATVSV; kiến thức chung về kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ (Trọng tâm là: Luật ATVSLĐ, luật PCCC và các văn bản hướng dẫn thi hành; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn sử dụng máy móc thiết bị, biện pháp bảo đảm an toàn điện, an toàn sử dụng hóa chất, an toàn phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc; các văn bản chỉ đạo của tổ chức Công đoàn trong công tác ATVSLĐ...) (Có bộ câu hỏi kèm theo)

2.3. Phần thi thực hành sơ cấp cứu và xử lý tình huống khẩn cấp: (40 điểm)

Thực hiện các thao tác sơ cấp cứu tai nạn lao động, xử lý các sự cố thường gặp như: Cấp cứu tai nạn điện giật; sơ cứu băng bó các vết thương, cố định gãy xương... (Có các tình huống kèm theo)

3. Hình thức thi

Mỗi đội lần lượt dự thi theo thứ tự số báo danh đã được bốc thăm đối với từng phần thi như sau.

3.1. Phần thi chào hỏi

Mỗi đội có 07 phút thực hiện phần thi chào hỏi để giới thiệu về đơn vị mình, nội dung gắn với công tác an toàn vệ sinh lao động (*Phải có sự tham gia của các thí sinh chính thức tham gia Hội thi*).

3.2. Phần thi trắc nghiệm về kiến thức pháp luật ATVSLĐ

- Các đội thi trả lời câu hỏi dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm. Ban Tổ chức Hội thi sẽ chuẩn bị các bộ câu hỏi (mỗi bộ gồm 10 câu hỏi).

- Mỗi lượt thi sẽ mời 03 đội (theo thứ tự) lên sân khấu để tham gia thi và trả lời câu hỏi bằng hình thức giơ đáp án đúng bằng biển (A,B,C,D), mỗi lượt thi có 10 câu hỏi trắc nghiệm; mỗi câu trả lời đúng được 4 điểm. Sau khi người dẫn chương trình đọc câu hỏi, thời gian cho các đội hội ý và trả lời câu hỏi là 10 giây, sau khi hết 10 giây người dẫn chương trình ra hiệu lệnh thì các đội giơ biển trả lời đáp án của đội mình và công bố đáp án đúng cho câu hỏi đó.

- Đội dự thi không được sử dụng tài liệu dưới bất kỳ hình thức nào.

3.3. Phần thi thực hành sơ cấp cứu và xử lý tình huống khẩn cấp

- Các đội sẽ thực hiện các thao tác xử lý tình huống bằng hình thức bốc thăm vào tình huống nào sẽ thực hành tình huống đó (Có diễn giải, thuyết minh) mỗi đội cử từ 03 - 05 thí sinh tiến hành thực hiện sơ cấp cứu người bị tai nạn theo nội dung của bộ đề thi thực hành đội đã bốc thăm; thí sinh vừa tiến hành thao tác sơ cấp cứu vừa thuyết minh các động tác thực hành. Ban giám khảo đưa ra đánh giá, nhận xét và chấm điểm cho các đội.

- Thời gian dành cho bài tập tình huống từ 5-7 phút.

III. BAN GIÁM KHẢO, TỔ THƯ KÝ VÀ DẪN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ban Giám khảo

- Ban giám khảo làm việc theo quy chế, quy định của Ban Tổ chức Hội thi; tham mưu cho Ban Tổ chức xem xét quyết định giải thưởng và tổng kết Hội thi.

- Từng thành viên Ban Giám khảo chấm điểm độc lập, khách quan, trung thực, công bằng, chính xác theo thang điểm và phiếu chấm điểm do Ban Tổ chức Hội thi ban hành. Chịu trách nhiệm với phiếu chấm điểm của mình trước Ban giám khảo và Ban Tổ chức.

- Điểm của các đội thi là điểm bình quân của các thành viên Ban Giám khảo.

- Điểm chênh lệch giữa các thành viên Ban Giám khảo không quá 02 điểm đối với mỗi phần thi. Nếu vượt quá số điểm nêu trên Tổ Thư ký báo cáo Trưởng Ban giám khảo để hội ý trong Ban Giám khảo, Ban Giám khảo thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Trường hợp các ý kiến không thống nhất Trưởng Ban Giám khảo báo cáo Trưởng ban Tổ chức Hội thi quyết định.

- Nếu trường hợp 02 hoặc nhiều đội có số điểm bằng nhau thì Ban Tổ chức Hội thi sẽ lựa chọn đội thi có số điểm cao hơn ở phần thi kiến thức, làm căn cứ xếp giải. Trường hợp 02 hoặc nhiều đội có số điểm bằng nhau ở phần thi kiến thức thì Ban Tổ chức Hội thi sẽ lựa chọn đội thi có số điểm cao hơn ở phần thi xử lý tình huống và chấp hành tốt nội quy, quy định Thể lệ Hội thi trong suốt quá trình tổ chức Hội thi làm căn cứ xếp giải thưởng.

2. Tổ Thư ký

- Giúp Ban Giám khảo theo dõi diễn biến và tổng hợp kết quả điểm thi đảm bảo chính xác, nhanh gọn, trung thực, báo cáo cho Ban Giám khảo, Ban Tổ chức; không được tiết lộ điểm thi của các đội khi chưa có quyết định của Ban Tổ chức Hội thi.

- Theo dõi thời gian thi của các đội thi theo quy định.

3. Dẫn chương trình

- Giới thiệu và hướng dẫn các đơn vị thực hiện các phần thi.

- Dẫn chương trình theo đúng kịch bản của Hội thi.

- Không được phép tự ý đánh giá kết quả của các đội thi sau từng phần thi.

IV. GIẢI THƯỞNG

Ban tổ chức Hội thi tặng Cờ lưu niệm và Giấy chứng nhận kèm theo giải thưởng cho các đội thi đạt giải như sau.

1. Cơ cấu giải thưởng

- 01 giải Nhất (5.000.000 đồng).

- 02 giải Nhì (Mỗi giải 3.000.000 đồng).

- 03 giải Ba (Mỗi giải 2.000.000 đồng).

- Giải Khuyến khích (Mỗi giải 1.000.000 đồng/giải).

2. Giải phụ

- 01 Giải cho phần thi chào hỏi ấn tượng nhất: 500.000đ/giải.

- 01 Giải cho phần thi xử lý tình huống xuất sắc nhất: 500.000đ/giải.

V. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

1. Mỗi đội dự thi cử ra 01 người làm đội trưởng, chịu trách nhiệm trước đơn vị và Ban Tổ chức Hội thi. Trước Hội thi 01 ngày, đội trưởng của các đội

dự thi tập trung tại địa điểm thi để Ban Tổ chức Hội thi quán triệt chương trình, thời gian, tổ chức bốc thăm và nhận số báo danh, khớp nhạc (nếu có) tổng duyệt và chấp hành thời gian theo quy định.

2. Tại buổi khai mạc Hội thi, các thí sinh mặc trang phục lịch sự và chấp hành nghiêm túc thể lệ, nội quy; quy định về thời gian và chương trình của Ban Tổ chức đưa ra.

3. Các đội thi tập trung thí sinh đúng thành phần đã đăng ký; đúng thời gian và địa điểm quy định; theo đúng số báo danh của đội mình; phải luôn có mặt tại hội trường để cổ vũ cho các đội thi khác; đội thi đến muộn quá 05 phút sẽ không được dự thi phần thi đó.

4. Đơn vị và thí sinh tham dự Hội thi có ý kiến đề xuất những vấn đề liên quan đến Hội thi, đội trưởng phải báo cáo trực tiếp với Trưởng Ban Tổ chức Hội thi và chịu trách nhiệm trước ý kiến đề xuất của đội mình. Ban tổ chức Hội thi sẽ xem xét không công nhận kết quả của đội vi phạm Thể lệ Hội thi.

5. Các đơn vị dự thi chịu trách nhiệm về kinh phí bồi dưỡng tập luyện và các nội dung điều kiện vật chất phục vụ cho thí sinh tham gia Hội thi.

Ban Tổ chức Hội thi yêu cầu các CĐCS báo cáo cấp uỷ, ban giám đốc đơn vị tổ chức triển khai, thực hiện đảm bảo theo Thể lệ Hội thi và đăng ký dự thi gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh **trước ngày 10/4/2026**. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc liên hệ đồng chí Bùi Thị Hồng Giang - Công chức Ban công tác Công đoàn, qua số điện thoại 0389186381 để cùng phối hợp giải đáp./.

Nơi nhận:

- Ban TG&DV Tỉnh uỷ (để b/c);
- Ban Quan hệ Lao động TLĐ (để b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Ban Tổ chức Hội thi;
- Ban Giám khảo, tổ Thư ký Hội thi;
- CĐCS trực thuộc;
- CĐCS TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: LĐLĐ tỉnh.

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN



Lương Xuân Trường
CHỦ TỊCH LĐLĐ TỈNH



CÂU HỎI LÝ THUYẾT TRẮC NGHIỆM

Câu hỏi 1: ★ Đối với những nguy cơ mất an toàn vệ sinh lao động ở tổ sản xuất mà khả năng tổ không tự giải quyết được thì phải làm thế nào?

- A. Thực hiện biện pháp an toàn tạm thời để phòng tránh xảy ra sự cố tai nạn lao động; sau đó báo cáo ngay với cấp trên để giải quyết.
- B. Báo cáo ngay với Giám đốc để có biện pháp giải quyết.
- C. Tiến hành khắc phục những nguy cơ, đồng thời báo cáo ngay với người phụ trách sản xuất.
- D. Tìm cách không chế nguy cơ, tiếp tục sản xuất hết ca, sau đó tiến hành khắc phục nguy cơ và báo cáo với giám đốc.

Đáp án: Câu A

Câu số 2: Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu nào?

- A. Chất thải phải được chứa, đựng trong các thiết bị, dụng cụ bảo đảm không rơi vãi, rò rỉ, phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển, trừ trường hợp chất thải đặc thù có khối lượng lớn phải chứa, đựng trực tiếp bằng các thiết bị, thùng chứa của phương tiện vận chuyển.
- B. Chất thải phải được vận chuyển theo loại sau khi đã được phân loại theo quy định.
- C. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- D. Tất cả các yêu cầu trên.

Đáp án: Câu D

Câu số 3: Trong các nội dung sau, nội dung nào là biện pháp cơ bản trong chữa cháy?

- A. Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.
- B. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
- C. Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.
- D. Cả 3 câu đều đúng.

Đáp án: Câu D

Câu số 4: Bao bì, dụng cụ và thiết bị lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm theo quy định phải có màu nào dưới đây?

- A. Màu đen.
- B. Màu đỏ.
- C. Màu vàng.
- D. Màu trắng.

Đáp án: Câu C

Câu số 5: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ môi trường nơi công cộng cụ thể như thế nào theo quy định tại Luật BVMT năm 2020?

- A. Thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.
- B. Phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải.
- C. Không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.
- D. Cả a, b, c đều đúng.

Đáp án: Câu D

Câu số 6: Khoản 1 Điều 35 Luật ATVSLĐ ngày 25/6/2015 quy định thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động của cơ sở ?

- A. Người sử dụng lao động (chủ cơ sở), đại diện tổ chức Công đoàn, cán bộ bảo hộ lao động.
- B. Người sử dụng lao động hoặc người đại diện được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản làm Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở, người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác.
- C. Người sử dụng lao động (chủ cơ sở) hoặc người được ủy quyền, đại diện tổ chức Công đoàn, quản đốc phân xưởng.

Đáp án: Câu B

Câu số 7: Theo điều 9, Nghị định 39/2016/NĐ-CP, ngày 15/05/2016, Tai nạn lao động được phân loại như thế nào?

- A. Tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động không chết người.
- B. Tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động nhẹ.
- C. Tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động vừa, tai nạn lao động nhẹ.
- D. Tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động nhẹ.

Đáp án: Câu B

Câu số 8: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 không quy định nguyên tắc bảo vệ môi trường nào dưới đây?

A. Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

B. Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

C. Bảo vệ môi trường không dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

D. Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế-xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

Đáp án: Câu C

Câu số 9: Khi nhận được lệnh huy động tham gia cứu chữa đám cháy, bạn sẽ thực hiện như thế nào?

A. Nhanh chóng tiếp cận đám cháy, để cứu người.

B. Nhanh chóng tiếp cận đám cháy, sử dụng các dụng cụ tham gia chữa cháy.

C. Nhanh chóng nhận lệnh, sử dụng các dụng cụ chữa cháy và thực hiện theo sự chỉ dẫn của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.

D. Nhanh chóng tiếp cận đám cháy và thực hiện theo chỉ dẫn của lực lượng chữa cháy cơ sở.

Đáp án: Câu C

Câu số 10: Theo Luật ATVSLĐ sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng là sự cố như thế nào?

A. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động lớn, xảy ra trên diện rộng và vượt khả năng ứng phó của cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức, địa phương hoặc liên quan đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương.

B. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động lớn, xảy ra trên diện rộng và vượt khả năng ứng phó của cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức, địa phương.

C. Hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động.

Đáp án: Câu A



Câu số 11: Đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật thì người sử dụng lao động phải thực hiện những chế độ gì?

A. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe.

B. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ chi phí lao động.

C. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ về phúc lợi xã hội.

Đáp án: Câu A

Câu số 12: ATVSV có nhiệm vụ giám sát những vấn đề gì?

A. Việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy trình, nội quy an toàn vệ sinh lao động.

B. Phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn vệ sinh lao động của người lao động.

C. Phát hiện những trường hợp mất an toàn vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và nơi làm việc.

D. Gồm cả 3 câu trên.

Đáp án: Câu D

Câu số 13: Việc quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động phải được thực hiện từ thời điểm nào?

A. Từ thời điểm nhận hồ sơ tuyển dụng.

B. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc tại cơ sở lao động.

C. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng.

Đáp án: Câu B

Câu số 14: Các yếu tố nào sau đây sẽ đủ điều kiện gây ra cháy?

A. Nguồn nhiệt, nhiên liệu.

B. Nguồn nhiệt, ôxy.

C. Nhiên liệu, ôxy.

D. Nguồn nhiệt, nhiên liệu, ôxy.

Đáp án: Câu D

Câu số 15: Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp người sử dụng lao động phải thông báo cho ai?

- A. Thông báo cho Công an xã, phường.
- B. Thông báo cho khách hàng.
- C. Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố hoặc ứng cứu khẩn cấp.
- D. Kịp thời thông báo cho người lao động.

Đáp án: Câu C

Câu số 16: Hằng năm hoặc khi cần thiết người sử dụng lao động phải làm gì để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

- A. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.
- B. Tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- C. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

Đáp án: Câu C

Câu số 17: Theo anh, chị cơ sở nhận diện và đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc phải dựa trên các nội dung gì?

- A. Phân tích đặc điểm, điều kiện lao động, quy trình làm việc có liên quan và kết quả kiểm tra nơi làm việc; Khảo sát người lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.
- B. Khảo sát người sử dụng lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.
- C. Phân tích quy trình công nghệ có liên quan tại nơi làm việc.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: Câu A

Câu số 18: Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định yếu tố nguy hiểm là gì?

A. Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

B. Là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

C. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: Câu A

Câu số 19: Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm định kỳ gì?

A. Định kỳ kiểm tra, thay thế.

B. Định kỳ đánh giá tác động.

C. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Đáp án: Câu C

Câu số 20: Người sử dụng lao động phải thống kê, báo cáo tai nạn lao động tại cơ sở của mình đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh định kỳ như thế nào?

A. Hàng tháng.

B. 6 tháng và hàng năm.

C. 3 tháng và 9 tháng.

Đáp án: Câu B

Câu số 21: Để kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải làm gì?

A. Tổ chức đánh giá, kiểm soát chất lượng sản phẩm tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

B. Tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; Thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng.

C. Có biện pháp khắc phục, kiểm soát nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

D. Cả 3 đáp án trên.

Đáp án: Câu B

Câu số 22: Để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc, người sử dụng lao động cần phối hợp với ai?

- A. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.
- B. Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở.
- C. Người làm công tác an toàn vệ sinh lao động.
- D. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

Đáp án: Câu A

Câu số 23: NSDLĐ phải bố trí, sắp xếp vị trí việc làm phải phù hợp với tình hình sức khỏe của người lao động, không bố trí người bị bệnh nghề nghiệp vào làm việc tại các vị trí lao động có tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp đó khi nào?

- A. Khi chưa kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố có hại này.
- B. Khi chưa kiểm soát hoàn toàn.
- C. Khi đã kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố này.

Đáp án: Câu A

Câu số 24: Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là?

- A. Máy, thiết bị, vật tư, chất có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.
- B. Lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.
- C. Máy, thiết bị, vật tư, chất trong điều kiện lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.
- D. Là máy, thiết bị, vật tư, chất hay xảy ra tai nạn lao động.

Đáp án: Câu C



Câu số 25: Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp khắc phục, các biện pháp theo phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp để làm gì?

- A. Tổ chức cứu tài sản và môi trường xung quanh.
- B. Tổ chức cứu người, tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, người xung quanh nơi làm việc, tài sản và môi trường.
- C. Đẩy mạnh sản xuất.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: Câu B

Câu số 26: Một nạn nhân bị bỏng do nhiệt, điều mà bạn cần phải làm là gì?

- A. Theo kinh nghiệm dân gian: Bôi lên vùng da bị bỏng nước mắm hoặc kem đánh răng để giảm đau và chuyển nạn nhân về bệnh viện.
- B. Dùng kim sạch chọc các nốt phỏng lớn, sau đó dùng gạc sạch băng nhẹ lên vùng bị bỏng và chuyển nạn nhân về bệnh viện.
- C. Ngâm ngay vùng bị bỏng vào nước mát, hoặc dùng khăn sạch bọc nước đá chườm lạnh lên vùng da bị bỏng khoảng 10-15 phút, nếu có biểu hiện phỏng rộp dùng gạc sạch băng nhẹ lên, cho nạn nhân uống nhiều nước có pha ít muối và chuyển nạn nhân đến bệnh viện.
- D. Cả 3 câu A, B và C đều đúng.

Đáp án: Câu C

Câu số 27: Các dung dịch cơ bản nào sau đây dùng để rửa vết thương?

- A. Oxy già, nước muối sinh lý, povidine, nước sạch.
- B. Oxy già, nước muối sinh lý, thuốc đỏ, nước sạch.
- C. Nước muối sinh lý, cồn 90 độ, oxy già, thuốc tím.
- D. Tất cả A, B và C đều sai.

Đáp án: Câu A

Câu số 28: Đây là chỉ tiêu phần đầu trong nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm số 1 được nêu trong Chỉ thị 31-CT/TW, ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đối với công tác ATVSLĐ trong tình hình mới?

- A. Phần đầu giảm số người mắc bệnh nghề nghiệp, ít nhất 4%/năm.
- B. Phần đầu giảm TNLĐ, nhất là TNLĐ nghiêm trọng, tỉ lệ TNLĐ chết người giảm ít nhất 4%/năm.
- C. Phần đầu giảm TNLĐ, nhất là TNLĐ nghiêm trọng, tỉ lệ TNLĐ chết người giảm ít nhất 5%/năm.

Đáp án: Câu B

Câu số 29: Chương trình Quốc gia về ATVSLĐ giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-CP, ngày 16/2/2022 của Chính phủ đề ra Mục tiêu cụ thể đến năm 2025, trung bình hằng năm giảm bao nhiêu phần trăm tần suất TNLĐ chết người?

- A. 4%.
- B. 5%.
- C. 6%.

Đáp án: Câu A

Câu số 30: Mục tiêu của phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” là gì?

- A. Cơ quan, đơn vị ngày càng xanh, sạch và đẹp.
- B. Đảm bảo cho điều kiện và môi trường khu vực sản xuất được cải thiện hơn, bớt ô nhiễm.
- C. Nâng cao văn hóa an toàn trong sản xuất, giúp cho người lao động càng thêm yêu mến, gắn bó với đơn vị cơ sở, phấn khởi nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả công tác.
- D. Tất cả các mục tiêu trên.

Đáp án: Câu D

Câu số 31: Luật ATVSLĐ quy định nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được phân loại căn cứ vào đâu?

- A. Căn cứ vào đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của mỗi nghề, công việc.
- B. Căn cứ vào môi trường lao động.
- C. Căn cứ vào điều kiện lao động.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: Câu A

Câu số 32: Phải trang bị dây an toàn cho công nhân hoặc lưới bảo vệ nếu không làm được sàn thao tác có lan can an toàn khi công nhân làm việc từ độ cao từ bao nhiêu mét trở lên?

- A. 2 m.
- B. 3 m.
- C. 4 m.
- D. 5 m,

Đáp án: Câu A

Câu số 33: Khi nghi ngờ nạn nhân bị gãy xương ta sẽ xử lý như thế nào?

- A. Lay động thử nhẹ nhàng nơi gãy xem sự tổn thương nặng nhẹ để xử lý kịp thời.
- B. Không đụng chạm mà chuyển nạn nhân đến cơ sở Y tế gần nhất.
- C. Khám nghiệm khắp cơ thể nạn nhân tìm xem nạn nhân còn những vết thương nào khác để xử lý.
- D. Cố định tạm thời nơi nghi bị gãy rồi chuyển nạn nhân đến bệnh viện ngay.

Đáp án: Câu D

Câu số 34: Luật ATVSLĐ quy định hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất mấy lần cho người lao động?

- A. Một lần.
- B. Hai lần.
- C. Ba lần.

Đáp án: Câu A

Câu số 35: Chương trình Quốc gia về ATVSLĐ giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 16/2/2022 của Chính phủ đề ra Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 có bao nhiêu phần trăm số người làm công tác ATVSLĐ được huấn luyện về ATVSLĐ?

- A. 80%.
- B. 85%.
- C. 90%.

Đáp án: Câu A

Câu số 36 : Đây là nhiệm vụ, giải pháp thuộc Nghị quyết số 10c/NQ-BCH ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới?

A. Nâng cao năng lực, hiệu quả công đoàn tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chế độ chính sách về an toàn vệ sinh lao động.

B. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào quần chúng làm công tác an toàn vệ sinh lao động và góp phần thúc đẩy thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

C. Tăng cường hiệu quả phối hợp với các cơ quan chức năng, người sử dụng lao động trong công tác an toàn vệ sinh lao động.

D. Tất cả các nhiệm vụ, giải pháp trên.

Đáp án: Câu D

Câu số 37: Các yếu tố nguy hiểm, có hại trong không gian hạn chế có thể là những yếu tố nào?

- A. Hóa chất có khả năng gây ra phơi nhiễm hóa chất do tiếp xúc qua da.
- B. Các chất dễ cháy nổ có thể tồn tại ở dạng rắn, lỏng, bụi, hơi hoặc khí nếu gặp nguồn nhiệt có thể gây cháy, nổ.

C. Bức xạ tử ngoại.

D. Cả a, b và c.

Đáp án: Câu D

Câu số 38: Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng cho an toàn vệ sinh viên như thế nào?

A. Do người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất thỏa thuận và được ghi trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

B. Mức tối thiểu phải bằng 10% tiền lương cơ sở.

C. Mức tối thiểu phải bằng 10% tiền lương tối thiểu vùng.

Đáp án: Câu A

Câu số 39: Một trong các phương án dưới đây quy định về nghĩa vụ của an toàn vệ sinh viên. Theo đồng chí, phương án nào chính xác nhất?

A. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy ATVSLĐ, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về ATVSLĐ, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị và nơi làm việc.

B. Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy ATVSLĐ, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về ATVSLĐ, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc.

C. Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy ATVSLĐ, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về ATVSLĐ.

Đáp án: Câu B

Câu số 40: Các yếu tố nguy hiểm, có hại có thể gây ra những hậu quả gì với người làm việc trong không gian hạn chế ?

A. Chết người, thương tích, mệt mỏi, suy nhược, bệnh nghề nghiệp (cấp tính hoặc mãn tính)

B. Thương tích, mệt mỏi, suy nhược, bệnh nghề nghiệp (cấp tính hoặc mãn tính)

C. Chết người, thương tích, mệt mỏi, suy nhược.

Đáp án: Câu A .

Câu số 41: Chương trình Quốc gia về ATVSLĐ giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-CP, ngày 16/2/2022 của Chính phủ đề ra Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 có bao nhiêu phần trăm số vụ TNLĐ chết người được khai báo, điều tra, xử lý theo quy định pháp luật?

- A. 90%.
- B. 95%.
- C. 100%.

Đáp án: Câu C

Câu số 42: Nghị quyết 10c/NQ-BCH, ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới đề ra chỉ tiêu nào dưới đây?

- A. 100% cán bộ công đoàn làm công tác an toàn vệ sinh lao động cấp trên cơ sở được huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động.
- B. 100% cán bộ công đoàn chủ chốt của các công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp thuộc ngành nghề có nguy cơ cao được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động.
- C. 100% doanh nghiệp thuộc ngành nghề có nguy cơ cao thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: Câu D

Câu số 43: Theo quy định, khi phát hiện vi phạm về ATVSLĐ tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục, an toàn vệ sinh viên có nghĩa vụ báo cáo tổ chức nào?

- A. Tổ chức công đoàn.
- B. Thanh tra lao động.
- C. Tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động.

Đáp án: Câu C

Câu số 44: Theo quy định, khi xảy ra nguy cơ gây mất ATVSLĐ tại nơi làm việc thì người lao động phải làm gì?

- A. Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất ATVSLĐ, hành vi vi phạm quy định ATVSLĐ tại nơi làm việc.
- B. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm.
- C. Chủ động tham gia ứng cứu khắc phục sự cố, TNLĐ theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Đáp án: Câu D

Câu số 45: Người lao động tham gia bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp bị tai nạn trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về đến nơi ở được hưởng chế độ bảo hiểm TNLĐ khi đảm bảo các điều kiện nào dưới đây?

- A. Trong khoảng thời gian hợp lý.
- B. Do người gây tai nạn vi phạm Luật giao thông.
- C. Trên tuyến đường hợp lý và trong khoảng thời gian hợp lý.
- D. Trên tuyến đường hợp lý.

Đáp án: Câu C

Câu 46: Những trường hợp nào sau đây, người lao động không được hưởng chế độ từ người sử dụng lao động khi bị TNLĐ?

- A. Tai nạn do người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân.
- B. Tai nạn do người lao động sử dụng ma túy.
- C. Tai nạn do mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.
- D. Cả 3 trường hợp trên.

Đáp án: Câu D

Câu 47: Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị TNLĐ mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và bị bệnh nghề nghiệp với mức như thế nào?

- A. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% khả năng lao động.
- B. Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.
- C. Cả A và B.

Đáp án: Câu C

Câu số 48: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với người lao động trong thời gian tham dự huấn luyện theo quy định của pháp luật?

- A. Trả đầy đủ tiền lương.
- B. Trả 50% tiền lương.
- C. Trả lương theo thỏa thuận.

Đáp án: Câu A



Câu số 49: Trong các chỉ tiêu dưới đây, chỉ tiêu nào thuộc chỉ tiêu của Nghị quyết 10c/NQ-BCH, ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới?

A. 100% doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công và 50% trở lên số doanh nghiệp ngoài nhà nước hưởng ứng phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”.

B. 100% các vụ TNLĐ nặng và chết người được báo cáo, điều tra và có đại diện công đoàn tham gia đoàn điều tra, giám sát việc giải quyết chế độ, đào tạo nghề và bố trí công việc cho người lao động bị TNLĐ, BNN.

C. Tất cả các chỉ tiêu trên.

Đáp án: Câu C

Câu 50: Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với người lao động bị TNLĐ, bệnh nghề nghiệp được quy định như thế nào?

A. Tối đa 10 ngày đối với trường hợp bị TNLĐ, BNN có mức suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên.

B. Tối đa 07 ngày đối với trường hợp bị TNLĐ, BNN có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 50%.

C. Tối đa 05 ngày đối với trường hợp bị TNLĐ, BNN có mức suy giảm khả năng lao động từ 15% đến 30%.

D. Cả A, B và C .

Đáp án: Câu D

Câu số 51: Trong trường hợp người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm TNLĐ, BNN cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi người lao động bị TNLĐ, BNN thì người sử dụng lao động phải chi trả cho người lao động các khoản nào?

A. Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN và trả khoản tiền tương ứng với chế độ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp.

B. Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN.

C. Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN và trả 50% khoản tiền tương ứng với chế độ bảo hiểm TNLĐ, bệnh nghề nghiệp.

Đáp án: Câu A

Câu số 52: Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với người lao động bị TNLĐ, bệnh nghề nghiệp không tham gia bảo hiểm y tế?

- A. Thanh toán toàn bộ chi phí y tế.
- B. Thanh toán 50% chi phí y tế.
- C. Thanh toán 70% chi phí y tế.

Đáp án: Câu A

Câu số 53. Theo quy định, lao động nữ làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi mang thai báo cho người sử dụng lao động biết thì người sử dụng lao động sẽ thực hiện như thế nào?

- A. Chuyển sang làm công việc nhẹ hơn, an toàn hơn mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
- B. Giảm bớt 01 giờ làm việc hằng ngày mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
- C. Cả a và b.

Đáp án: Câu C

Câu số 54: Đối tượng áp dụng của Luật phòng cháy và chữa cháy được qui định tại Điều 2 như thế nào?

- A. Tất cả các cơ sở hoạt động, sản xuất, kinh doanh.
- B. Tất cả các cơ quan, tổ chức.
- C. Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.
- D. Tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động, sinh sống trong và ngoài nước.

Đáp án: Câu C

Câu số 55: Những mục nào nằm trong danh mục khám chuyên khoa phụ sản trong khám sức khỏe định kỳ cho lao động nữ được cơ quan có thẩm quyền quy định?

- A. Khám phụ khoa.
- B. Sàng lọc ung thư cổ tử cung.
- C. Sàng lọc ung thư vú.
- D. Cả a, b và c.

Đáp án: Câu D

Câu số 56: Thời gian huấn luyện định kỳ về ATVSLĐ đối với người lao động (nhóm 4) bao gồm cả thời gian kiểm tra ít nhất là mấy giờ?

- A. 8 giờ.
- B. 16 giờ.
- C. 24 giờ.

Đáp án: Câu A



Câu số 57: Phương pháp rửa vết thương mắt cần phải làm như thế nào?

- A. Không cần rửa, chuyển ngay nạn nhân đến bệnh viện.
- B. Rửa theo hình xoắn ốc từ trong ra ngoài giống như vết thương thông thường.
- C. Nghiêng đầu nạn nhân sang bên mắt bị tổn thương, dùng nước sạch xối từ trong khóe mắt chảy ra đuôi mắt.

D. Nghiêng đầu nạn nhân sang bên mắt không bị tổn thương, dùng nước sạch xối vào bên mắt bị tổn thương từ trong khóe mắt chảy ra đuôi mắt.

Đáp án: Câu C

Câu số 58: Chỉ thị số 01/CT-TLĐ, ngày 19/11/2012 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc thực hiện thống kê, báo cáo tai nạn lao động trong hệ thống công đoàn quy định: Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải báo cáo nhanh về Tổng Liên đoàn khi nhận được được thông tin đối với các vụ tai nạn lao động nào?

- A. Các vụ tai nạn lao động nhẹ.
- B. Các vụ tai nạn lao động làm một người bị thương nặng.
- C. Các vụ tai nạn lao động nhẹ, tai nạn lao động làm một người bị thương nặng.
- D. Tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động có từ hai người bị thương nặng trở lên.

Đáp án: Câu D

Câu số 59: Việc lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc thuộc trách nhiệm của ai?

- A. An toàn, vệ sinh viên.
- B. Công đoàn cơ sở.
- C. Người sử dụng lao động.

Đáp án: Câu C

Câu 60. Người lao động được hưởng trợ cấp một lần từ quỹ Bảo hiểm TNLĐ, BNN khi bị suy giảm khả năng lao động ở trường hợp nào sau đây?

- A. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 60%.
- B. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30%.
- C. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 35%.

Đáp án: Câu B

Câu 1: Anh, chị thực hành phương pháp cố định gãy xương đùi kín (thời gian thực hiện 7 phút)?

Đáp án:

Chuẩn bị nạn nhân: Nhận định toàn trạng và xác định vị trí xương gãy. Giải thích, động viên nạn nhân.

Chuẩn bị dụng cụ: Hộp thuốc chống sốc, thuốc giảm đau, 3 nẹp, bông không thấm nước, băng cuộn, 6 dây to bản, cang.

Giúp nạn nhân nằm ngửa trên nền cứng, chân hơi dẹt.

Người phụ 1: Giữ bàn chân vuông góc với cẳng chân và kéo liên tục theo trục của chi bằng một lực không đổi trong suốt thời gian cố định chi và quan sát nạn nhân.

Người phụ 2: Ngồi bên chi lành nâng đỡ chi nạn nhân và giữ nẹp.

Đặt nẹp:

- Nẹp dưới từ bả vai đến gót chân.
- Nẹp trong từ bẹn đến quá gót chân.
- Nẹp ngoài từ hõm nách đến quá gót chân.
- Lót bông không thấm nước ở đầu nẹp: Chỗ sát xương, chỗ lõm.
- Buộc một dây trên ổ gãy.
- Buộc một dây dưới ổ gãy.
- Buộc 4 dây lần lượt: Ngang hông, dưới gối, ngang ngực, cổ chân.
- Băng theo kiểu số 8 cố định bàn chân vuông góc với cẳng chân.
- Kiểm tra tuần hoàn của chi gãy.
- Nhanh chóng nhẹ nhàng vận chuyển nạn nhân khi tình trạng đã ổn định đến cơ sở điều trị.

+ Theo dõi sát tình trạng nạn nhân về tuần hoàn chi gãy- khi trời rét cần ủ ấm để tránh sốc.

Câu 2: Anh, chị thực hành phương pháp cố định gãy xương cánh tay (thời gian thực hiện 7 phút)?

Đáp án:

Chuẩn bị nạn nhân: Nhận định toàn trạng và xác định vị trí xương gãy. Giải thích, động viên nạn nhân hoặc người nhà.

Chuẩn bị dụng cụ: Hộp thuốc chống sốc, thuốc giảm đau, 2 nẹp, bông không thấm nước, băng cuộn, 2 dây to bản, khăn tam giác.

Đỡ cánh tay sát thân, cẳng tay vuông góc với cánh tay, tay lành đỡ tay đau.

Hướng dẫn người phụ: đứng đối diện nạn nhân, 1 tay đặt ở khuỷu, 1 tay đặt ở hõm nách, vừa kéo liên tục vừa quan sát nạn nhân và giữ nẹp.

Đặt một nẹp phía trong cánh tay từ hõm nách xuống khớp khuỷu tay.

Đặt một nẹp phía ngoài cánh tay từ khớp vai xuống khớp khuỷu tay.

Lót bông không thấm nước vào các đầu nẹp, chỗ xương nhô ra.

Buộc dây cố định trên ổ gãy.

Buộc dây cố định dưới ổ gãy.

Đỡ cẳng tay bằng khăn tam giác (Hoặc băng to bản) treo trước ngực, bàn tay cao hơn khuỷu tay và úp vào thân.

Cố định tay với thân mình bằng băng cuộn.

Kiểm tra tuần hoàn đầu chi, chuyển nạn nhân đến cơ sở điều trị.



Câu 3: Anh, chị hãy thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị say nóng hoặc say nắng (thời gian thực hiện 5 phút)?

Đáp án:

- Nhanh chóng đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí.
- Khăn trương cấp cứu.
- Cởi bỏ bớt quần áo.
- Hạ thân nhiệt từ từ, chườm lạnh bằng nước đá vào gáy, trán, gan bàn chân.
- Cho bệnh nhân uống nước chè có pha thêm muối hoặc orezol.
- Nếu nạn nhân bị nặng có thể nhúng nạn nhân vào bể nước lạnh, chườm lạnh liên tục. Khi nhiệt độ thân nhiệt xuống đến 38- 39 độ C đưa bệnh nhân ra nằm nơi thoáng mát.
- Có thể cho bệnh nhân uống thuốc hạ nhiệt, nếu bệnh nhân không đỡ thì chuyển đi bệnh viện.

Câu 4: Anh, chị thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị điện giật và ngất (thời gian thực hiện 7 phút)?

Đáp án:

a/ Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện:

- Cắt cầu dao điện (hoặc công tắc điện), ngắt phích cắm, cầu chì.... Nếu cầu dao, công tắcbỏ trí ở xa thì dùng các vật sắc (rìu, dao có cán gỗ) để chặt đứt dây điện, chú ý nếu người bị điện giật đang ở trên cao thì phải có biện pháp chống người rơi từ trên cao xuống.
- Dùng tay quấn thêm vải khô (khăn tay) nắm vào quần áo người bị nạn để kéo nạn nhân ra khỏi dây điện (nơi người cấp cứu đứng phải khô ráo, không túm vào các bộ phận của cơ thể nạn nhân).
- Dùng sào tre, gỗ khô nâng tách dây điện khỏi người nạn nhân (chú ý khi đó nên đứng trên các vật cách điện hoặc có điện trở lớn).

b/ Cấp cứu:

Thực hiện hà hơi thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực theo trình tự:

- Đưa nạn nhân ra nơi thoáng mát, đặt nằm ngửa trên nền cứng.
- Ép tim ngoài lồng ngực.
- + Người cấp cứu quỳ bên phải nạn nhân.
- + Đặt lòng bàn tay trái vào 1/3 dưới xương ức nạn nhân, lòng bàn tay phải bắt chéo lên mu bàn tay trái.
- + Dùng sức mạnh cả cơ thể ấn mạnh vuông góc xương ức nạn nhân, sau đó rời tay để ngực nạn nhân quay trở về vị trí cũ.
- Kết hợp hà hơi thổi ngạt:
- + Nghiêng đầu nạn nhân sang một bên, mở miệng, dùng ngón tay quấn gạc đưa vào miệng nạn nhân để lấy hết dị vật nếu có, lau sạch miệng, kéo lưỡi nạn nhân ra.
- + Đặt đầu nạn nhân ngửa, kê gối dưới gáy để đầu ngửa tối đa, đặt miếng gạc mỏng lên miệng nạn nhân.
- + Người cấp cứu quỳ ngang vai phải nạn nhân, tay trái bịt mũi và ấn trán nạn nhân xuống, tay phải giữ cằm để mở miệng nạn nhân ra, hít vào hết sức, úp miệng mình khít vào miệng nạn nhân và thổi mạnh ra hết sức.

+ Làm kết hợp nhịp nhàng, nhanh, dứt khoát. Nếu có 1 người cấp cứu thì cứ sau 15 lần ép tim dừng lại thổi ngạt 2 lần, nếu có 2 người cấp cứu thì sau 5 lần ép tim phải dừng lại thổi ngạt 1 lần.

+ Thực hiện đến khi nạn nhân hồi phục hoặc có nhân viên y tế đến.

Câu 5: Anh, chị hãy thực hành băng sơ cứu thương ở một mắt (băng bằng băng cuộn, thời gian thực hiện 5 phút).

Chuẩn bị nạn nhân: Nhận định tình trạng vết thương. Giải thích, động viên nạn nhân hoặc người nhà.

Chuẩn bị dụng cụ: Thuốc sát trùng, băng gạc.

- Dùng thuốc sát trùng làm sạch quanh mắt.

- Đặt băng gạc vô trùng lên mắt.

- Băng từ thái dương bên phải vòng qua phía trên tai trái, tới dưới chỗ phình xương chẩm trên tai phải về chỗ bắt đầu băng (băng 2 vòng như vậy).

- Lần 2 khi đến chỗ phình xương chẩm qua dưới tai phải, chéo lên che kín mắt phải, đưa mép băng qua sống mũi rồi lại qua trên thái dương đến chỗ phình xương chẩm.

- Cứ vòng sau đè lên vòng trước ở chỗ tai phải và chéo dần xuống phía trên thái dương cho đến khi băng kín mắt rồi băng thêm 2 vòng trên đầu để cố định.

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.



